

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 378/2019/HS-ST

Ngày: 10-10-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hậu

Thẩm phán: Ông Bùi Đức Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tùng;
2. Ông Nguyễn Đình Cường;
3. Bà Đặng Thị Huệ Tú.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Huyền Trân – Thư ký tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phong Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 10/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 371/2019/HSST ngày 10/7/2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 4490/2019/QĐXXST-HS ngày 23/9/2019, đối với bị cáo:

Lê Thị T, sinh năm 1981 tại tỉnh An Giang; HKTT: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; chỗ ở trước khi bị bắt: phòng số 5, nhà trọ không số, đường D, phường E, thị xã F, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp không; trình độ học vấn: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn G và bà Nguyễn Thị H; có chồng (đã ly hôn năm 2009) và có 02 con, lớn nhất sinh năm 2001, nhỏ nhất sinh năm 2005; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

- Bị Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm về tội “Trộm cắp tài sản”, theo bản án hình sự sơ thẩm số 187/2005/HSST ngày 03/11/2005.

- Bị Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo bản án hình sự phúc thẩm số 556/2010/ HSPT ngày 22/9/2010.

- Bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, theo bản án hình sự sơ thẩm số 290/2019/HSST ngày 12/9/2019.

Tạm giam từ ngày 08/9/2018, có mặt.

Người bào chữa:

Ông Nguyễn Văn Tài – Luật sư của Văn phòng Luật sư Mai Trung Tính, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh, bào chữa cho bị cáo Lê Thị T theo chỉ định, có mặt.

Bị hại:

1/ Chị Nh, sinh năm 1975; trú tại 865/10/5 Hoàng Sa, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

2/ Bà Ph, sinh năm 1940; trú tại 865/10/5 Hoàng Sa, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

3/ Chị Nh, sinh năm 1974; trú tại 865/10/5 Hoàng Sa, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

4/ Chị T, sinh năm 1984; trú tại số 535-537 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt.

5/ Chị Th, sinh năm 1984; trú tại 656/14 Cách Mạng Tháng 8, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

6/ Anh Đ, sinh năm 1989 và chị L, sinh năm 1988 (vợ anh Đường); trú tại 219/28B đường số 5, phường BH, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2016, Lê Thị T lên trang mạng xã hội có tên “Trung Hiếu” đặt làm giả nhiều Giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu phôtô, có một đồ chứng thực sao y bản chính để xin làm người giúp việc nhà cho những người có nhu cầu, mục đích là để trộm cắp tài sản của chủ nhà. Từ tháng 3/2016 đến tháng 11/2017, Lê Thị T đã thực hiện các vụ trộm cắp cụ thể như sau:

- Vụ thứ nhất: Ngày 08/3/2016, Th lên trang Web “Chotot” biết được chị Nh địa chỉ tại 865/10/5 Hoàng Sa, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, đăng tin tìm người giúp việc. Th chủ động gọi điện thoại cho chị Nh và chị Nh hẹn đến nhà, kiểm tra đủ giấy tờ tùy thân thì sẽ nhận vào làm việc với mức lương 04 triệu đồng một tháng. Khoảng 7 giờ ngày 10/3/2016, Th đến nhà đưa cho chị Nh 01 chứng minh nhân dân đã làm giả có ảnh của Th, nhưng mang tên Lê Thị

Thảo Nga, sinh năm 1987; Nơi ĐKTT: ấp 3, Hiệp Phước, Nhơn Trạch, Đồng Nai, chị Nh đồng ý nhận Th làm người giúp việc nhà. Sáng ngày 11/3/2016, khi gia đình chị Nh đi làm không có ai ở nhà, Th xuống bếp lấy một con dao đi lên phòng của chị Nh ở lầu 2, dùng tay giật bung ổ khóa cửa rồi vào bên trong, tiếp tục giật bung cánh cửa tủ sắt rồi dùng dao cạy hộc tủ lấy được một số tài sản của bà Ph (mẹ chị Nh) gồm: 1,6 lượng vàng trang sức 9999 và SJC; 01 lắc tay vàng 18K trọng lượng 3 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 3 chỉ, 01 đôi bông tai có đính cắm thạch màu xanh, 01 nhẫn có đính cắm thạch màu xanh, 400 CAD, 200USD; của chị Nh (em chị Nh) gồm: 3 chiếc lắc vàng 9999 (không rõ trọng lượng), 2 sợi dây chuyền trẻ em vàng 18K (không rõ trọng lượng), 01 sợi dây chuyền vàng 9999 (không rõ trọng lượng), 01 huy hiệu mè đay bằng vàng 24K trọng lượng 2 chỉ và lấy của chị Nh gồm: 07 nhẫn đeo tay vàng 9999 trọng lượng 7 chỉ; 01 sợi dây chuyền và mặt dây chuyền loại vàng 18K trọng lượng 2 chỉ và 3 triệu đồng rồi bỏ trốn.

Sau khi lấy được số tài sản nói trên, Th mang số vàng và ngoại tệ đi bán ở nhiều nơi (không nhớ rõ địa chỉ) được số tiền trên 100 triệu đồng, số tiền này Th đưa cho em ruột là Lê Thị Liễu chữa bệnh cho cha 20 triệu đồng, còn lại Th tiêu xài và đánh số đề với người tên Hoàng (không rõ họ) ở Dĩ An, Bình Dương thua hết.

Theo kết luận giám định số 442 ngày 08/4/2016 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Bản in trên giấy chứng minh nhân dân số 271804358 đứng tên Lê Thị Thảo Nga là bản in thật nhưng đã bị thay đổi ảnh nên là chứng minh nhân dân giả.

Theo kết luận số 105/HĐĐG ngày 04/7/2016 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 3 thì “Do không cung cấp được giấy giám định vàng của cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật và một số tài sản không nêu rõ trọng lượng nên Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 3 không đủ căn cứ để thực hiện kết luận định giá. Chỉ cung cấp thông tin về giá trị các tài sản có nêu trọng lượng vàng vào thời điểm ngày 11/3/2016 để tham khảo. Sau đó ngày 28 tháng 3 năm 2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 3 có công văn số 09/HĐĐGTS-TTHS bổ sung thông tin giá trị tài sản bị chiếm đoạt tại công văn số 105 ngày 04/7/2016 của Hội đồng định giá nêu: Vào thời điểm tháng 3 năm 2016 vàng 24k có giá bán ra 3.300.000 đồng; vàng 18k có giá bán ra 2.200.000 đồng; vàng 9999 (loại nữ trang) có giá bán ra 3.300.000 đồng; vàng 9999 (loại vàng miếng) có giá 3.360.000 đồng; Riêng với tài sản là 1,6 lượng vàng SJC và 9999 (loại nhẫn đeo tay và vàng miếng) do giá vàng của hai loại trên có sự chênh lệch và không xác định được trọng lượng của từng loại nên Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng không đủ cơ sở để cung cấp giá.

- Vụ thứ hai: Ngày 11/5/2017, Th đọc báo “Mua bán” biết được chị T địa chỉ tại số 535-537 Điện Biên Phủ, Phường 3, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

có đăng tin tìm người giúp việc nên Th chủ động gọi điện thoại để xin. Chị Tâm hẹn Th đến nhà kiểm tra đủ giấy tờ tùy thân thì sẽ nhận vào làm. Th đến nhà đưa cho chị Tâm giấy chứng minh nhân nhân giả có hình ảnh của Th mang tên Trần Thị Ngọc Lan, sinh năm 1987; Nơi ĐKTT: Minh Tân, Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương và một sổ hộ khẩu phô tô giả có mộc đỏ chứng thực sao y đúng với bản chính. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Th lợi dụng vợ chồng chị Tâm đi vắng, phát hiện két sắt nằm bên trái phòng ngủ, có mã từ là nút bấm nên Th bấm #123456# thì thấy khóa từ tự động mở. Th lấy trong két sắt: 02 lượng vàng SJC, 02 sợi dây chuyền vàng 9999 trọng lượng mỗi sợi là 1 lượng, 01 lắc tay vàng 24k trọng lượng 1 lượng, 1.000USD và 20 triệu đồng rồi trốn về Dĩ An, Bình Dương sống. Số tài sản trên Th mang đến tiệm vàng Kim Quyền ở chợ Thông Dục - Dĩ An, Bình Dương bán lấy tiền tiêu xài hết.

Kết luận giám định số 1320 ngày 22/9/2017 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chứng minh nhân dân số 280910381 tên Trần Thị Ngọc Lan được làm giả bằng phương pháp in phun màu; Sổ hộ khẩu phô tô số 0058195456 mang tên Trần Thị Ngọc Lan có chứng thực sao y bản chính của Công an xã Minh Tân thì hình dấu mộc tròn Công an xã Minh Tân được làm giả bằng phương pháp phun in màu.

Kết luận định giá số 05/HĐDGTS-TTHS ngày 01/02/2019, Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân Quận 3 kết luận: 1000USD vào thời điểm ngày 11/5/2017 trị giá 22.770.000 đồng. Các tài sản còn lại gồm: vàng miếng SJC 99,99 (loại 01 lượng/1 miếng); sợi dây chuyền vàng SJC 99,99 (mỗi sợi 1 lượng) và lắc đeo tay vàng SJC 99,99 (trọng lượng 1 lượng): không cung cấp kết quả giám định do người bị hại không còn lưu giữ chứng từ mua bán nên không đủ cơ sở để xác định giá trị tài sản theo yêu cầu. Hội đồng định giá tài sản cung cấp giá của các loại vàng trên để tham khảo như sau: Vàng miếng SJC 99,99 (loại 01 lượng/1 miếng) vào thời điểm ngày 11/5/2017 có giá 36.530.000 đồng/lượng. Vàng nữ trang SJC 99,99 vào thời điểm tháng 5/2017 có giá 3.410.000 đồng/chỉ.

- Vụ thứ ba: Đến cuối tháng 7/2017, Th đọc trên báo “Mua bán” biết được chị Th địa chỉ tại số 656/14 Cách Mạng Tháng 8, Phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh có nhu cầu tìm người giúp việc nên cũng chủ động liên lạc qua điện thoại xin vào nhà chị Thúy làm việc. Được chị Thúy đồng ý nhận vào nhà, Th đến nhà và đưa cho chị Thúy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị Thanh Lan, sinh ngày 30/6/1980, có nơi ĐKTT: ấp 5, Quới Sơn, Châu Thành, Bến Tre và 01 sổ hộ khẩu phô tô chứng thực sao y đúng bản chính có tên Nguyễn Thị Thanh Lan. Đến khoảng 19 giờ ngày 30/7/2017, Th thấy gia đình chị Thúy đang tập trung xem ti vi dưới phòng khách nên đi vào phòng ngủ của chị Thúy, lục tìm nhiều nơi trong phòng để tìm chìa khóa két sắt. Khi phát hiện anh Nguyên và chị Thúy đã đi ra khỏi nhà thì Th trở vào phòng và tìm được chìa khóa két sắt trong tủ gỗ. Do ổ khóa bị hư bằng mã từ nên Th dùng chìa và mở được cánh cửa két

sắt lấy được 700 triệu đồng, 03 lượng vàng SJC, 1000 USD rồi bỏ trốn về phòng trọ số 5 nhà trọ không số, đường Đông An, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, Bình Dương. Sau khi lấy được số tài sản nói trên, Th cho cha ruột 50 triệu đồng để trị bệnh, mua chiếc xe Air Blade biển số 67N1-313.87 với số tiền 47 triệu đồng còn lại Th tiêu xài hết.

Tại kết luận giám định số 1540 ngày 23/11/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chứng minh nhân dân tên Nguyễn Thị Thanh Lan đã bị thay đổi ảnh; Sổ hộ khẩu phổ thông có tên Nguyễn Thị Thanh Lan có chứng thực sao y đúng bản chính của Công an xã Quới Sơn thì dấu mộc tròn Công an xã Quới Sơn được làm giả bằng phương pháp phun in màu.

Theo kết luận định giá số 8040/KL-HĐĐGTS ngày 26/11/2018, Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự cấp Thành phố kết luận: Vào thời điểm ngày 30/7/2017, 03 lượng vàng SJC loại vàng 9999, 1000USD trị giá 131.808.000 đồng

- Vụ thứ tư: Đến khoảng đầu tháng 11/2017, Th tiếp tục lên trang mạng xã hội có tên “Trung Hiếu” đặt làm giả một CMND mang tên Trần Thị Tuyết Vân sinh năm: 1987; có nơi ĐKTT: Tân Thạch, Châu Thành, Bến Tre với số tiền 1,5 triệu đồng.

Đến ngày 07/11/2017, đọc trên trang mạng “Chotot” biết được anh Đ có địa chỉ tại số 219/28B đường số 5, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, có nhu cầu tìm người giúp việc nên chủ động liên lạc qua điện thoại xin vào nhà anh Đường làm việc. Được sự đồng ý của anh Đường nên ngày 13/11/2017, Th đến nhà đưa cho anh Đường chứng minh nhân dân tên Trần Thị Tuyết Vân. Đến trưa ngày 14/11/2017, khi anh Đường đi làm, chị Liên (là vợ của anh Đường) ngủ trưa dưới tầng trệt, thì Th vào phòng ngủ của vợ chồng anh Đường, thấy tủ quần áo không đóng nên mở cửa tủ, lục trong hộp nhôm lấy được 01 sợi dây chuyền vàng 18k trọng lượng 3,5 chỉ; 01 sợi dây chuyền vàng 18k trọng lượng 1,5 chỉ; 02 sợi dây chuyền vàng 18k trọng lượng mỗi sợi 1 chỉ; 02 chiếc vòng đeo cổ vàng 18k trọng lượng mỗi sợi 1,5 chỉ; 6 chiếc nhẫn vàng 24k trọng lượng mỗi chiếc 1 chỉ; 01 lắc tay vàng 18k trọng lượng 3 chỉ; 02 lắc tay vàng 18k trọng lượng mỗi chiếc 1 chỉ và lục trong túi áo khoác của anh Đường lấy 17 triệu đồng và 500USD. Sau đó, Th đi xuống nhà hỏi mượn chị Liên 100.000 đồng giả vờ đi ra ngoài mua thuốc, rồi bỏ trốn về phòng trọ số 5 nhà trọ không số, đường Đông An, phường Tân Đông Hiệp, thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Th mang số tài sản trên ra khu vực chợ Thiết, Quận 11 bán lấy tiền tiêu xài hết.

Đến ngày 08/9/2018, cũng với thủ đoạn nói trên, Th sử dụng chứng minh nhân dân giả mang tên Trần Thị Thu Hà đi xin làm người giúp việc để trộm cắp tài sản thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh phát

hiện bắt giữ cùng vật chứng là một chứng minh nhân dân mang tên Trần Thị Thu Hà.

Kết luận giám định số 596 ngày 26/3/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chứng minh nhân dân tên Trần Thị Tuyết Vân đã bị thay đổi ảnh.

Kết luận giám định số 1540 ngày 23/11/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an Thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Chứng minh nhân dân tên Trần Thị Thu Hà được làm giả bằng phương pháp in phun màu.

Kết luận định giá số 304/HĐĐGTS-TTHS ngày 28/3/2018, Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự UBND quận Bình Tân kết luận: Tài sản bị chiếm đoạt thời điểm vào ngày 14/11/2017 có tổng giá trị là 74.496.000 đồng (Bảy mươi bốn triệu bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng)

Công văn số 1281/KĐO-KT ngày 28/12/2018 của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Kỳ Đồng cung cấp tỷ giá USD và đô la Canada (CAD) vào ngày 11/3/2016 là: 1USD=22.240VNĐ (giá mua), 1USD = 22.325VNĐ (giá bán); 1CAD = 16.558VNĐ (giá mua), 1CAD=16.946VNĐ (giá bán)

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra, Lê Thị T khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên. Tuy nhiên, Th khai nhận tài sản đã chiếm đoạt không phù hợp với lời khai của các bị hại đã trình báo, cụ thể là:

Tại nhà chị Nh, Th khai chỉ trộm được 07 chiếc nhẫn vàng 9999, 01 sợi dây chuyền và mặt dây chuyền vàng 18K, 01 nhẫn vàng có đính cắm Thạch (tất cả điều không rõ trọng lượng), 01 huy hiệu mè đai vàng 9999 trọng lượng 2 chỉ, 300 Đô la Canada và 3 triệu đồng. Th mang số tài sản trên bán được 110 triệu đồng.

Tại nhà chị T, Th khai lấy trộm 2 sợi dây chuyền vàng 9999 trọng lượng mỗi sợi 10 chỉ, 01 chiếc lắc vàng 9999 trọng lượng 5 chỉ, 500USD. Th mang số tài sản trên đi bán được 91 triệu đồng.

Tại nhà chị Th, Th khai chỉ lấy trộm 03 miếng vàng SJC trọng lượng mỗi miếng 10 chỉ và khoảng 240 triệu đồng.

Tài sản lấy trộm tại nhà anh Đ chỉ có 01 sợi dây chuyền vàng 18K, 01 lắc tay vàng 18K, 01 vòng đeo cổ vàng 18K, 01 nhẫn vàng 18K (tổng trọng lượng các đồ trang sức trên khoảng 5,9 chỉ), 4 triệu đồng và 50USD, Th mang tài sản trên đi bán được 11 triệu đồng.

Bản Cáo trạng số 226/CT-VKS-P2 ngày 03/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Lê Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ

sung năm 2009 và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức ” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo khai do có ý định trộm cắp trước nên bị cáo đặt làm giả Giấy chứng minh nhân dân và hộ khẩu để xin vào giúp việc nhà cho những người có yêu cầu và chờ thời điểm thích hợp thì trộm cắp tài sản của chủ nhà. Từ tháng 3 năm 2016 đến tháng 11 năm 2017 bị cáo đã xin vào giúp việc nhà cho chị Lê Thị Nh, chị T, chị Th và anh Đ. Tài sản mà bị cáo trộm cắp của bốn nhà trên như bị cáo đã khai tại cơ quan điều tra và như Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã thống kê trong phần kết luận của Bản Cáo trạng số 226/CTr-VKS-P2 ngày 03/7/2019. Ngoài số tài sản đó ra thì bị cáo không có lấy tài sản nào khác của những người bị hại.

Bị hại Nguyễn Thị Thanh Nh vắng mặt nhưng tại cơ quan điều tra đã khai như sau: Khoảng 07 giờ ngày 10/3/2016, bị cáo đến nhà đưa cho chị xem 01 chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị Thảo Nga, chị đồng ý nhận bị cáo làm người giúp việc nhà lương tháng 05 triệu đồng. Đến 15 giờ ngày 11/03/2016, chị đang làm ở Công ty thì mẹ chị gọi điện thoại đến báo cho chị biết là bị cáo đi đâu mất, cánh cửa tủ sắt bị giật bung. Chị về nhà kiểm tra thì thấy cửa phòng trên lầu 2 bị cạy, tủ sắt trong phòng bị cạy, tài sản của chị trong tủ bị mất gồm: 07 nhẫn đeo tay vàng 9999, trọng lượng 7 chỉ; 01 sợi dây chuyền và mặt dây chuyền loại vàng 18K, trọng lượng 2 chỉ và 03 triệu đồng.

Bị hại Ph vắng mặt nhưng tại cơ quan điều tra đã khai như sau: Bà ở chung nhà với Lê Thị Nh, vào khoảng 1 giờ 30 phút ngày 11/3/2016 bị cáo nói với bà đi ra ngoài mua thuốc đau bụng. Đến khoảng 15 giờ bà lên lầu 2 lấy đồ thì phát hiện cái hộp đựng vàng của Nh nằm dưới cái khăn ở phòng của chị Nhi, bà liền kiểm tra thì phát hiện phòng của chị Nh bị phá khóa và cửa tủ bị cạy nên bà điện thoại cho chị Nh và chị Nhi về. Tài sản của bà để trong tủ sắt bị mất gồm: 1,6 lượng vàng trang sức 9999 và SJC; 01 lắc tay vàng 18K trọng lượng 3 chỉ; 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 3 chỉ; 01 đôi bông tai có đính cắm thạch màu xanh; 01 nhẫn có đính cắm thạch màu xanh không nhớ trọng lượng, 400 CAD và 200USD.

Bị hại Nh vắng mặt nhưng tại cơ quan điều tra đã khai như sau: Chị ở chung nhà với Lê Thị Nh, vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 11/3/2016 chị đang làm ở công ty thì được gia đình bảo người giúp việc đã lấy trộm tài sản bỏ đi. Chị về thấy cửa phòng trên lầu 2 bị cạy, tủ sắt trong phòng bị cạy, kiểm tra tài sản của chị bỏ trong tủ bị mất gồm: 3 chiếc lắc vàng 9999 (không rõ trọng lượng); 2 sợi dây chuyền trẻ em vàng 18K (không rõ trọng lượng); 01 sợi dây chuyền vàng 9999 (không rõ trọng lượng) và 01 huy hiệu mề đay bằng vàng 24K, trọng lượng 2 chỉ.

Bị hại T khai: Khoảng 08 giờ ngày 10/5/2017, bị cáo gọi điện thoại đến xin làm người giúp việc nhà thì chị đồng ý. Qua ngày 11/5/2015 bị cáo mang

giấy tờ tùy thân đến, chị kiểm tra thấy có giấy chứng minh nhân dân và một sổ hộ khẩu phôtô có chứng thực sao y nên chị đồng ý nhận vào giúp việc nhà, lương 5.000.000 đồng/tháng, bao ăn uống và cho ở lại nhà. Khoảng 14 giờ cùng ngày vợ chồng chị đi công việc và đến khoảng 17 giờ về nhà thì không thấy bị cáo, chị liên lạc qua điện thoại cũng không được. Đến 20 giờ chị kiểm tra két sắt thì phát hiện tài sản trong két sắt bị mất gồm: 02 lượng vàng SJC, 02 sợi dây chuyền vàng 9999 trọng lượng mỗi sợi 01 lượng, 01 lắc tay vàng 24k trọng lượng 01 lượng, 1.000USD và 20.000.000 đồng.

Bị hại Th vắng mặt, nhưng tại cơ quan điều tra đã khai như sau: Vào khoảng 10 giờ ngày 28/7/2017, bị cáo điện thoại xin làm người giúp việc nhà và sau đó bị cáo đến nhà đưa cho chị xem chứng minh nhân dân và 01 sổ hộ khẩu phôtô, chứng thực sao y đúng bản chính có tên Nguyễn Thị Thanh Lan nên chị đồng ý nhận và tối ngày 29/7/2017 bị cáo đến nhà chị ở. Khoảng 19 giờ ngày 30/7/2017, gia đình chị tập trung xem ti vi dưới phòng khách, sau đó vợ chồng chị đi công việc cho đến 21 giờ thì về. Khoảng 05 giờ ngày 31/7/2017 vợ chồng chị đi lễ, đến 06 giờ 50 phút về đến nhà thì không thấy bị cáo, chị liên lạc bằng điện thoại cũng không được, chị lên phòng của bị cáo kiểm tra thì phát hiện nhiều phong bì đựng tiền của chị bị rơi vãi trong giường của bị cáo. Chị kiểm tra két sắt thì phát hiện tài sản bị mất gồm: 700 triệu đồng, 03 lượng vàng SJC và 1000 USD.

Bị hại Đ vắng mặt, nhưng tại cơ quan điều tra đã khai như sau: Ngày 07/11/2017 bị cáo gọi điện đến L là vợ anh để xin làm người giúp việc nhà. Vì có nhu cầu nên ngày 13/11/2017, chị Liên gọi bị cáo đến nhà, sau khi xem chứng minh nhân dân có tên Trần Thị Tuyết Vân và sổ hộ khẩu, thì chị Liên đồng ý nhận. Vào trưa ngày 14/11/2017, bị cáo đi xuống hỏi mượn chị Liên 100.000 đồng để đi ra ngoài mua thuốc, thấy bị cáo không trở lại, vợ chồng anh kiểm tra tủ quần áo thì phát hiện tài sản trong hộp nhôm để trong tủ bị mất gồm: 01 sợi dây chuyền vàng 18k trọng lượng 3,5 chỉ; 01 sợi dây chuyền vàng 18k trọng lượng 1,5 chỉ; 02 sợi dây chuyền vàng 18k, trọng lượng mỗi sợi 01 chỉ; 02 chiếc vòng đeo cổ vàng 18k, trọng lượng mỗi sợi 1,5 chỉ; 6 chiếc nhẫn vàng 24k, trọng lượng mỗi chiếc 01 chỉ; 01 lắc tay vàng 18k, trọng lượng 3 chỉ; 02 lắc tay vàng 18k, trọng lượng mỗi chiếc 1 chỉ và 17 triệu đồng cùng 500USD trong túi áo khoát của anh cũng bị mất.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận đã thực hiện những hành vi như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát mô tả. Do đó Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên đề nghị Hội đồng xét

xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Lê Thị T từ 14 năm đến 15 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, từ 03 năm đến 04 năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt hai tội từ 17 năm đến 19 năm tù.

Về Vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015 tuyên tịch thu tiêu hủy các vật chứng mà bị cáo dùng vào việc phạm tội và những vật chứng không còn giá trị, tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước tài sản mà bị cáo phạm tội mà có và tuyên tịch trả lại cho bị cáo chứng minh nhân dân mang tên Lê Thị T và tuyên tạm giữ chiếc xe để đảm bảo cho việc thi hành án.

Về dân sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho những người bị hại theo qui định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho Lê Thị T cho rằng bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trước 00 giờ 00 phút ngày 01/01/2018, nhưng nay mới xét xử nên theo Nghị Quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội thì điều luật được áp dụng để xét xử bị cáo là điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Ngoài tình tiết giảm nhẹ mà Đại diện Viện kiểm sát đề nghị thì bị cáo còn có tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội sớm trở về với gia đình, đi làm ăn kiếm tiền bồi thường cho những người bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại về thời gian, địa điểm, phương thức và thủ đoạn mà bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, nên có đủ căn cứ để kết luận: Bị cáo đã sử dụng giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu làm giả để xin làm người giúp việc nhà cho những người bị hại, mục đích là chờ cơ hội để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị hại. Quá trình phạm tội bị

cáo đã lấy tài sản trong nhà chị Lê Thị Nh có giá trị 117.967.000 đồng vào ngày 10/3/2016; lấy tài sản trong nhà chị bà T có giá trị 102.120.000 đồng vào ngày 11/5/2017; lấy tài sản trong nhà chị Th có giá trị 349.433.000 đồng vào ngày 30/7/2017 và lấy tài sản trong nhà anh Đ có giá trị 16.112.000 đồng vào ngày 14/11/2017.

[3] Xét tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo người có khả năng nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, nhận thức được hậu quả của hành vi đó là xâm phạm đến tài sản của người khác và xâm phạm đến hoạt động đúng đắn, bình thường của cơ quan, tổ chức trong hoạt động quản lý hành chính. Nhận thức được vậy, nhưng vì muốn có tiền để phục vụ cho nhu cầu của cá nhân nên bị cáo vẫn thực hiện. Tài sản mà bị cáo trộm cắp của những người bị hại trong vụ án này có giá trị trên 500.000.000 đồng và thực hiện trước 00 giờ 00 phút ngày 01/01/2018, nên hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 138 và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 3 Điều 267 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009.

[4] Về tội “Trộm cắp tài sản”: Mức hình phạt được quy định tại điểm a khoản 4 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 nặng hơn mức hình phạt quy định tại điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, theo Nghị Quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc Hội thì điều luật áp dụng để xét xử bị cáo là điểm a khoản 4 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”: mức hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 bằng mức hình phạt quy định tại điểm b khoản 3 Điều 341 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Song mức hình phạt quy định tại Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 nhẹ hơn mức hình phạt qui định tại Điều 341 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, nên điều luật áp dụng để xét xử bị cáo là khoản 3 Điều 267 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009.

[6] Xét tính chất của vụ án mà bị cáo gây ra là đặt biệt nghiêm trọng, bởi nó không những gây thiệt hại về tài sản rất lớn cho nhiều người mà còn gây mất an ninh trật tự, an toàn xã hội ở địa phương. Bị cáo đã hai lần bị Tòa án xử phạt tù về tội trộm cắp tài sản, lẽ ra phải xử phạt bị cáo mức án cao của khung hình phạt mà bị cáo đã phạm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung, nhưng xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 nên được Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ một phần hình phạt.

[7] Về hình phạt bổ sung:

Tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và khoản 4 Điều 267 của Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 có quy định hình phạt bổ sung bằng tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, nhưng xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp, không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa bị hại Nh, Ph và Nh vắng mặt, nhưng tại cơ quan điều tra đã yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ tài sản bị mất cụ thể:

- Chị Nh yêu cầu bị cáo phải bồi thường 07 (Bảy) chỉ vàng 24k loại 9999; 02 (Hai) chỉ vàng 18k và 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

- Bà Ph yêu cầu bị cáo phải bồi thường 16 (Mười sáu) chỉ vàng 9999 SJC; 01 (Một) lắc tay 3 chỉ vàng 18K; 01 (Một) dây chuyền 3 chỉ vàng 18K; 01 (Một) đôi bông tai đính cắm thạch, không nhớ trọng lượng; 01 (Một) nhẫn đính cắm thạch, không nhớ trọng lượng; 400 (Bốn trăm) CAD và 200 (Hai trăm) USD.

- Chị Nh yêu cầu bị cáo phải bồi thường 03 (Ba) chiếc lắc vàng 9999 không nhớ trọng lượng, 02 (Hai) sợi dây chuyền trẻ em vàng 18K; 01 (Một) sợi dây chuyền 9999, không rõ trọng lượng và 01 (Một) huy hiệu mè đay 24K, trọng lượng 02 chỉ.

Bị cáo khai nhận số vàng và Đô la Canada mà bị cáo trộm cắp nhà chị Nh đem bán được khoảng 110.000.000 đồng, trong đó bị cáo còn nhớ có 07 chiếc nhẫn vàng 9999, mỗi chiếc 01 chỉ, 01 huy hiệu mè đai vàng 9999 trọng lượng 2 chỉ, một (01) sợi dây chuyền và mặt dây chuyền vàng 18K và 01 nhẫn vàng có đính cắm thạch, còn lại không nhớ cụ thể vì đã lâu, nhưng không có chiếc lắc vàng 9999 và không có Đô la Mỹ.

Căn cứ vào số tiền mà bị cáo bán vàng và thông tin về giá vàng vào thời điểm mà bị cáo trộm cắp tại nhà của chị Nh, do Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Quận 3 cung cấp thì số tiền 110.000.000 đồng tương đương với giá trị số vàng và Đô la Canada mà bị cáo trộm cắp nhà chị Nh (Trừ 03 chiếc lắc vàng mà bị cáo khẳng định không có), còn các loại trang sức mà bị hại và bị cáo không nhớ rõ trọng lượng, nếu được xác định mỗi thứ là 01 chỉ. Từ những căn cứ trên xác định bị cáo đã lấy trộm của chị Nh là 07 chỉ vàng 24k loại 9999, 02 chỉ vàng 18k và 3.000.000 đồng; lấy trộm của bà Phấn là 16 chỉ vàng 9999 SJC, 08 chỉ vàng 18K và 300CAD và lấy trộm của chị Nhi là 03 chỉ vàng 9999 và 2 chỉ vàng 18K.

Tại phiên tòa bị hại T yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ tài sản như bị hại đã kê khai gồm: 02 (Hai) lượng vàng SJC, 02 (Hai) sợi dây chuyền vàng

9999, trọng lượng 20 chỉ; 01 (một) lắc tay vàng 24K, trọng lượng 10 chỉ; 1.000 (Một ngàn) USD và 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng.

Tại phiên tòa bị hại Th và bị hại Đ vắng mặt nhưng tại cơ quan điều tra chị Th yêu cầu bị cáo phải bồi thường 03 (Ba) lượng vàng miếng SJC; 700.000.000 (Bảy trăm triệu) đồng và 1000 (Một ngàn) USD. Anh Đ yêu cầu bị cáo bồi thường 01 (Một) sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 3,5 chỉ; 01 (Một) sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 1,5 chỉ; 06 (Sáu) chiếc nhẫn vàng 24K, trọng lượng 6 chỉ; 01 (Một) lắc vàng 18K, trọng lượng 3 chỉ, 02 (Hai) lắc vàng 18K, trọng lượng 2 chỉ; 17.000.000 (Mười bảy triệu) đồng và 500 (Năm trăm) USD.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Do những người bị hại không cung cấp tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh tài sản của mình bị mất như đã kê khai, Viện kiểm sát cũng chỉ xác định bị cáo trộm cắp tài sản của bị hại như bị cáo đã thừa nhận, nên chỉ buộc bị cáo bồi thường cho những người bị hại những thứ tài sản mà bị cáo khai nhận, riêng ngoại tệ (Đô la Mỹ và Đô la Canada) thì quy ra tiền Việt Nam để buộc bị cáo bồi thường. Nếu bị hại nào thấy tài sản của mình bị mất nhiều hơn mà chưa được điều tra đầy đủ thì có quyền cung cấp thông tin, chứng cứ để Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra số tài sản còn lại.

Bị cáo dùng một phần tiền trộm cắp của chị Th để mua chiếc xe Airblade biển số 67N1313.87, giá tại thời điểm mua là 47.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo xin giao chiếc xe cho chị Th để cản trừ vào khoản tiền phải bồi thường, song do chị Thúy vắng mặt nên không tuyên giao cho chị Thúy mà tiếp tục tạm giữ chiếc xe trên để đảm bảo cho việc thi hành án.

Bị cáo khai có đưa cho Lê Thị Liễu 20.000.000 đồng từ nguồn tiền trộm cắp trong nhà chị Nh để nộp tiền chữa bệnh cho cha là ông Lê Văn Tại và có cho ông Tại 50.000.000 đồng từ nguồn tiền trộm cắp của chị Th để ông Tại điều trị bệnh. Ông Tại thừa nhận ông thường hay đau ốm, điều trị ở bệnh viện và bị cáo có gởi tiền cho Liễu để nộp tiền viện phí và có cho tiền để ông điều trị bệnh, nhưng không xác định bao nhiêu và ông không biết tiền đó do bị cáo trộm cắp mà có, nên không thể buộc ông Tại phải giao nộp lại.

[8] Về vật chứng:

- 01 con dao lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 32cm, cán dao màu đen dài 10m, trên cán dao có chữ KIWI là đồ vật và công cụ mà bị cáo dùng vào việc phạm tội nên tịch thu, tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động Nokia màu xanh và 01 điện thoại di động Oppo màu đen là những công cụ liên quan đến hành vi phạm tội nên tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

- Số tiền 3.910.000 đồng và chiếc xe Honda, loại xe Airblade biển số: 67N1313.87, số khung RLHJF6307FZ197691, số máy JF63E-1551783 kèm

Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lê Thị T, là tài sản mà bị cáo trộm cắp mà có nên tiếp tục tạm giữ để đảm bảo cho việc thi hành án.

- 01 USB hiệu Kingston màu tím; 01 ba lô màu đỏ hiệu T&T Sport, 01 cái áo sơ mi sọc dài tay, 01 cái quần; 01 cái khăn tắm, 01 hộp giấy có chữ MAGIC, 01 ba lô vải màu đen đỏ, 04 cái quần, 03 cái áo, 03 cái áo khoác, 02 bộ đồ lót, 03 gói cà phê là những đồ dùng cá nhân không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo, nhưng tại phiên tòa bị cáo xác định những đồ dùng này đã cũ, không có giá trị và không yêu cầu nhận lại nên tuyên tịch thu tiêu hủy.

- Một tờ giấy cầm đồ mang tên Lê Thị Liễu không phải giấy giả và được thu giữ từ nơi ở của bị cáo nên tuyên trả lại cho bị cáo.

[9] Điều luật mà Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị áp dụng để xét xử bị cáo là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử; các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo và quan điểm về xử lý vật chứng mà Đại diện viện kiểm sát đề nghị là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[10] Luận cứ bào chữa của Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 4 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử bị cáo là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 cho bị cáo là không phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 276 của Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009; điểm a khoản 4 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Xử phạt: **Lê Thị T** 03 (Ba) năm tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và 14 (Mười bốn) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành một hình phạt chung của hai tội là 17 (Mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam (Ngày 08/9/2018).

Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015: Buộc bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho những người sau đây:

- Bồi thường cho bà Ph: 16 (Mười sáu) chỉ vàng 9999 loại SJC, 06 (Sáu) chỉ vàng 18k và 5.083.800 (Năm triệu không trăm tám ba ngàn tám trăm) đồng.

- Bồi thường cho chị Nh: 07 (Bảy) chỉ vàng 9999; 02 (Hai) chỉ vàng 18k và 3.000.000 (Ba triệu) đồng.

- Bồi thường cho chị Nh: 03 (Ba) chỉ vàng 9999 và 02 (Hai) chỉ vàng 18K;

- Bồi thường cho chị T: 25 (Hai mươi lăm) chỉ vàng 9999 và 11.162.500 (Mười một triệu một trăm sáu mươi ngàn hai năm trăm) đồng.

- Bồi thường cho chị Th: 03 (Ba) lượng vàng miếng 9999 loại SJC và 240.000.000 (Hai trăm bốn mươi triệu) đồng.

- Bồi thường cho anh Đ: 5,9 (Năm phẩy chín) chỉ vàng 18k và 5.116.000 (Năm triệu một trăm mười sáu ngàn) đồng.

Nếu bị cáo không có vàng để bồi thường thì quy vàng ra tiền tại thời điểm thi hành án.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành hoặc không thi hành đầy đủ các khoản đã tuyên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền chậm thi hành.

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, tuyên tịch thu tiêu hủy các vật chứng sau:

- 01 con dao lưỡi bằng kim loại màu trắng dài 32cm, cán dao màu đen dài 10cm, trên cán dao có chữ KIWI

- 01 hộp giấy ghi chữ “MAGIC”

- 04 cái quần, 03 cái áo, 03 cái áo khoác, 02 bộ đồ lót, 03 gói cà phê

- 01 USB hiệu Kingston màu tím

- 01 ba lô màu đỏ hiệu T&T Sport

- 01 cái áo sơ mi sọc, dài tay

- 01 cái quần

- 01 cái khăn tắm

- 01 ba lô vải màu đen - đỏ

*Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tuyên tịch thu 01 (Một) điện thoại di động Nokia màu xanh và 01 (Một) điện thoại di động Oppo màu đen, model 1201, số imei: ...3770 để sung vào ngân sách Nhà nước.

*Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tuyên trả lại cho bị cáo Lê Thị T 01 (Một) tờ giấy cầm đồ mang tên Lê Thị Liễu.

Tiếp tục tạm giữ:

- Số tiền 3.910.000 (Ba triệu chín trăm mười ngàn) đồng (Theo Giấy nộp tiền vào tài khoản lập ngày 20/02/2019 nộp vào tài khoản của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố Hồ Chí Minh tại Kho bạc Nhà nước Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh)

- 01 (Một) chiếc xe hai bánh gắn máy nhãn hiệu: Honda, loại xe: 02 bánh; số loại: Airblade, BS: 67N1-313.87, SK: RLHJF6307FZ197691, SM: JF63E-1551783 kèm theo 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang tên Lê Thị T để đảm bảo cho việc thi hành án.

(Theo biên bản giao nhận tang tài vật số 13/20 ngày 08/10/2019 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh).

Về án phí:

Áp dụng Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc bị cáo nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 28.320.000 (Hai mươi tám triệu ba trăm hai chục ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm để nộp vào ngân sách Nhà nước.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (Ngày 10/10/2019).

Các bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Bản án được tổng đạt hoặc niêm yết.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- | | |
|----------------------------|-----|
| - TAND TC | (1) |
| - TAND Cấp cao tại TP.HCM; | (1) |
| - VKS ND TP. HCM; | (3) |
| - Cục THA DS; | (1) |
| - Bị cáo; | (1) |
| - Luật sư; | (1) |
| - Bị hại; | (6) |

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- THA HS; (1)
- Phòng PC 53 - CA Tp. HCM; (1)
- Phòng PC 45 – CA TP. HCM; (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (1)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, hình sự, hồ sơ (25) (4).

Nguyễn Văn Hậu